ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 388 /UBND-TH	*Bình Định, ngày 16 tháng 01 năm 2024*
V/v báo cáo tình hình vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ năm 2023	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Tài chính về tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ 06 tháng cuối năm và năm 2023 trên địa bàn tỉnh *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này)*.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ NSNN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Số: 388/UBND-TH
Thời gian ký: 16/01/2024 10:27:15 +07:00

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/7/2023 Đến ngày 31/12/2023

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VNĐ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLC VL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	WB	USD	314.829,9	7.468.395.239		27.500,14				27.500,14	287.329,78	6.893.903.298					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	USD	2.066.656,29	49.025.220.511		100.917	20.666,57			121.583,44	1.965.739,42	47.163.985.904					
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	WB	USD	2.284.025,50	54.181.652.911		91.485,01	22.691,10		374,68	114.550,79	2.192.540,49	52.605.623.977					
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	USD	6.940.872,32	164.651.373.175	799.612,72	445.208,87	244.727,78	7.355,59	0,00	697.292,24	7.295.276,17	175.035.561.147					
4.1	Nguồn vốn IDA			4.495.738,62		777.774,84	445.208,87	49.464,64			494.673,51	4.828.304,59	115.845.512.028					
4.2	Nguồn vốn IBRD			2.445.133,70		21.837,88	0,00	195.263,14	7.355,59	0,00	202.618,73	2.466.971,58	59.190.049.119					
5	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	ADB	USD	2.413.940,99	57.263.508.046	1.520.000,00	0,00	77.045,33	60.117,37	3.438,90	140.601,60	3.933.940,99	94.387.046.053					
	TỔNG CỘNG																	
	USD			14.020.325,01		2.319.612,72	665.110,89	365.130,78	67.472,96	3.813,58	1.101.528,21	15.674.826,84		-	-	-	-	-
	…																	
	Tổng quy USD				-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				275.326.641.836	54.868.083.735	16.184.482.746	8.876.333.284	602.893.370	79.240.340	25.060.816.030		376.086.120.379	-	-	-	-	-
						-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/7/2023 Đến ngày 31/12/2023

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
	Chủ nợ: Ngân hàng thế giới						
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	314.829,91	7.468.395.239	287.329,78	6.893.903.298		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2.066.656,29	49.025.220.511	1.965.739,42	47.163.985.904		
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	2.284.025,50	54.181.652.911	2.192.540,49	52.605.623.977		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	6.940.872,32	164.651.373.175	7.295.276,17	175.035.561.147		
	Chủ nợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á						
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	2.413.940,99	57.263.508.046	3.933.940,99	94.387.046.053,11		
	Tổng dư nợ (quy VNĐ)		**332.590.149.883**		**376.086.120.379**	**0**	**0**
	Hạn mức nợ theo quy định (VNĐ)		**3.647.800.000.000**				

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2023 Đến ngày 31/12/2023

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VNĐ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	WB	USD	340.122,9	8.042.887.180		52.793,17				52.793,17	287.329,78	6.893.903.298					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)*	WB	USD	2.165.574,29	51.209.335.236		199.834,87	42.322,30			242.157,17	1.965.739,42	47.163.985.904					
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	WB	USD	2.060.859,53	48.733.145.306	314.650,97	182.970,01	44.241,31		492,37	227.703,69	2.192.540,49	52.605.623.977					
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	USD	6.226.171,73	147.230.282.899	1.959.153,31	889.309,67	290.191,24	7.355,59	0,00	1.186.856,50	7.296.015,37	175.053.296.772					
4.1	Nguồn vốn IDA			3.781.038,03	89.410.206.295	1.937.315,43	889.309,67	94.928,10			984.237,77	4.829.043,79	115.863.247.653					
4.2	Nguồn vốn IBRD			2.445.133,70	57.820.076.604	21.837,88		195.263,14	7.355,6		202.618,73	2.466.971,58	59.190.049.119					
5	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	ADB	USD			3.933.940,99		77.045,33	60.117,37	3.438,90	140.601,60	3.933.940,99	94.387.046.053					
	TỔNG CỘNG																	
	USD			10.792.728,49		6.207.745,27	1.324.907,72	453.800,18	67.472,96	3.931,27	1.850.112,12	15.675.566,04		-	-	-	-	-
	…																	
	Tổng quy USD				-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				255.215.650.621	146.450.460.167	31.763.102.901	10.978.938.187	1.611.038.495	94.112.777	44.447.192.360		376.103.856.004	-	-	-	-	-
						-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-

Ghi chú:
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2023 Đến ngày 31/12/2023

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
	Chủ nợ: Ngân hàng thế giới	**10.792.728,49**	**255.215.650.621**	**11.741.625,06**	**281.716.809.951**		
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	340.122,94	8.042.887.180	287.329,78	6.893.903.298		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2.165.574,29	51.209.335.236	1.965.739,42	47.163.985.904		
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	2.060.859,53	48.733.145.306	2.192.540,49	52.605.623.977		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	6.226.171,73	147.230.282.899	7.296.015,4	175.053.296.772		
	Chủ nợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á			**3.933.940,99**	**94.387.046.053**		
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số			3.933.940,99	94.387.046.053		
	Tổng dư nợ (quy VNĐ)		**255.215.650.621**		**376.103.856.004**	**0**	**0**
	Hạn mức nợ theo quy định (VNĐ)		**3.647.800.000.000**				

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA,
VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2023 Đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin cơ bản:
- Tên Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án thành phố Quy Nhơn
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: IBRD 8745-VN; IDA 6027-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2017 đến năm 2022
- Tổng mức đầu tư: 55.303.993 USD; Trong đó: Vốn ODA là 50.083.182 USD và Vốn đối ứng là 5.220.811 USD.
- Tỷ lệ vay lại: 100% vốn IBRD (5.125.000 USD); 30% vốn IDA (13.487.455 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Lũy kế vốn vay ODA đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo			Vốn vay ODA còn lại chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo		
		Cấp phát	Vay lại	Cộng	Cấp phát	Vay lại	Cộng
1	*2*	*3*	*4*	*5=3+4*	*6*	*7*	*8=6+7*
1	Vốn IBRD	-	2.466.971,58	2.466.971,58		2.658.028,42	2.658.028,42
2	Vốn IDA	15.418.744,72	6.608.033,45	22.026.778,17	16.051.983,62	6.879.421,55	22.931.405,17
Tổng cộng		**15.418.744,72**	**9.075.005,03**	**24.493.749,75**	**16.051.983,62**	**9.537.449,97**	**25.589.433,59**
Quy ra VNĐ		**369.941.941.987**	**217.736.595.685**	**587.678.537.672**	**385.135.242.915**	**228.832.037.130**	**613.967.280.045**

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Dự án được điều chỉnh có 36 gói thầu và công việc thực hiện, trong đó: Hợp phần 1 có 16 gói thầu (Xây lắp 10 gói, Hàng hóa 02 gói và Tư vấn 04 gói); Hợp phần 2 có 01 gói thầu (Xây lắp); Hợp phần 3 là Công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng; Hợp phần 4 có 23 gói thầu (Tư vấn) và các công việc khác không đấu thầu. Trong đó, Hợp phần 1 và Hợp phần 2 sử dụng vốn ODA và một số gói thầu thanh toán thuế VAT bằng nguồn vốn đối ứng; các hợp phần còn lại sử dụng nguồn vốn đối ứng của Ngân sách tỉnh. Đến nay, tất cả các gói thầu đã được ký kết; tiến độ thực hiện các gói thầu cơ bản đảm bảo theo tiến độ hợp đồng và yêu cầu của WB.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng năm 2023:

Năm 2023, Dự án được phân bổ vốn đối ứng là 11,593 tỷ đồng, đã giải ngân đến 31/12/2023 là 11,015 tỷ đồng, đạt 95,01 % so với kế hoạch năm 2023.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Không.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không./.

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
- Hiệp định vay số: 4100-VIE
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2021 đến năm 2026
- Tổng mức đầu tư: 909.049.000.000 đồng
- Tổng số vốn vay: 29.000.000 USD
- Tỷ lệ vay lại: 50% vốn ADB (14.500.000 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

ĐVT: USD

TT	Nguồn vốn	Số đã giải ngân tính đến thời điểm		Số còn lại	
		Cấp phát	Vay lại	Cấp phát	Vay lại
	Vốn ADB	3.933.940,99	3.933.940,99	10.566.059,01	10.566.059,01
Tổng cộng		**3.933.940,99**	**3.933.940,99**	**10.566.059,01**	**10.566.059,01**

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Tỉnh Bình Định có 3 hợp phần: (i) Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông gồm 4 gói thầu xây lắp, trong đó có 3 gói thầu đang trong quá trình thi công (Gói thầu BD-CW01: Nâng cấp tuyến đường ĐT.637 đoạn từ Vĩnh Quang - Thị trấn Vĩnh Thạnh, Gói thầu BD-CW02: Nâng cấp tuyến đường từ hồ Định Bình đến trung tâm xã Vĩnh Sơn và Gói thầu BD-CW04: Nâng cấp tuyến đường liên xã An Hưng đến Tam Quan, huyện Hoài Nhơn), gói còn lại chuẩn bị trao thầu vào cuối tháng 01/2024 (Gói thầu BD-CW03: Nâng cấp tuyến đường thôn Hiệp Hưng, xã Canh Hiệp đến làng Canh Tiến, xã Canh Liên, huyện Vân Canh); (ii) Hợp phần 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm hỗ trợ phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số, đang ở giai đoạn thi công xây dựng (gói thầu BD-CW05: Xây dựng hệ thống cấp nước cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện An Lão) và dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2024; Hợp phần 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu, đang ở bước lập dự án, sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng: Được bố trí đầy đủ theo nhu cầu của dự án

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Thực hiện theo đúng các Nghị định, thông tư quy định hiện hành.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không